

Bản án số: 440/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Vinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 337/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987. Nơi đăng ký thường trú: Xóm F, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1983. Nơi đăng ký thường trú: Xóm F, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn H lấy nhau có tình hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/7/2010 tại UBND xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà chồng ở xóm F, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2020 thì vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và chăm sóc con

cái. Chị cũng đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi đã ly thân từ ngày 01/8/2024 đến nay, anh H chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, chị và các con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xóm F, thôn Y, xã H sinh sống từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Trịnh Văn H.

- *Về con chung*: Chị và anh Trịnh Văn H có 02 con chung là cháu Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011; cháu Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Diệp A ở với chị, cháu P ở với anh H. Nay ly hôn chị X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệp A, chị X đồng ý để anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Do mỗi người nuôi 01 con chung nên chị không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Văn H đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2024, ông Trịnh Văn T (là bố đẻ của anh Trịnh Văn H) trình bày: Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị X kết hôn năm 2010, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, chị X hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân, chị X đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Nay chị X xin ly hôn thì anh H đã biết, những lần Tòa án gửi thông báo, giấy triệu tập về cho anh H thì anh H đã nhận được nhưng anh H không muốn ly hôn vì còn thương vợ con, anh H có quan điểm chị X muốn ly hôn thì tự làm đơn phương; về con chung: Anh H và chị X có 02 con chung là cháu Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012. Hiện nay cháu P đang ở với anh H và gia đình ông, cháu Diệp A đang ở với chị X. Trường hợp ly hôn thì anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P và đồng ý để chị X nuôi dưỡng cháu Diệp A, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh H và chị X thì ông không nắm bắt được.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/11/2024, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị X có đăng ký kết hôn số 76/2010, quyền số 01/2010 ngày 23/7/2010 tại UBND xã H. Hiện nay đời sống chung vợ chồng giữa anh H và chị X xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị X có 02 con chung là cháu Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012. Hiện nay cháu P đang ở với anh H, cháu Diệp A đang ở với chị X.

Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trịnh Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn mặc dù được Tòa án nhiều lần giao các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt không đến làm việc, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X, xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Trịnh Văn H.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 và cháu Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012. Hiện nay cháu P đang ở với anh H, cháu Diệp A đang ở với chị X. Giao cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Diệp A; giao anh Trịnh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trịnh Thanh P. Ghi nhận sự tự nguyện chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

- *Tài sản chung và nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị X phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Trịnh Văn H nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trịnh Văn H có đăng ký thường trú tại: xóm F, thôn Y, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

**Về nội dung:**

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị X và anh Trịnh Văn H được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M vào ngày 23/7/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Văn H vắng mặt, thông qua bố đẻ của anh H là ông Trịnh Văn T xác định anh H có quan điểm xin đoàn tụ vì còn thương vợ con và không đến Tòa án làm việc. Ông T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị X là do bất đồng quan điểm, lối sống, chị X hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trịnh Văn H không có mặt tại Tòa án để có quan điểm về việc chị Nguyễn Thị X xin ly hôn với anh. Việc này chứng tỏ anh H không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh H đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị X và anh Trịnh Văn H có 02 con chung Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 và Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012. Hiện nay cháu P đang ở với anh H, cháu Diệp A đang ở với chị X.

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trịnh Diệp A và yêu cầu giao con chung Trịnh Thanh P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc của chị X, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị X và anh H ly thân đến nay, cháu Diệp A sinh sống, học tập ổn định với chị X, cháu P sinh sống, học tập ổn định với anh H, các cháu đều được bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Thông qua bố đẻ của anh H là ông Trịnh Văn T xác định anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P và đồng ý để chị X nuôi dưỡng cháu Diệp A. Mặt khác, bản thân cháu Diệp A cũng có đơn đề nghị với nguyện vọng xin được ở với chị X, cháu P cũng có đơn đề nghị với nguyện vọng xin được ở với anh H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị X và đề nghị



của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu Trịnh Diệp A cho chị X và giao cháu Trịnh Thanh P cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị X đối với anh Trịnh Văn H.

Xử chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Trịnh Văn H.

2. *Về con chung*: Xác nhận chị Nguyễn Thị X và anh Trịnh Văn H có 02 con chung Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 và Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012.

Giao con chung Trịnh Diệp A, sinh ngày 04/7/2011 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trịnh Thanh P, sinh ngày 24/10/2012 cho anh Trịnh Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với các bên đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị X và anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008116 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị X và bị đơn anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND xã Hương Sơn;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Việt Cường**